

Bản án số: **117/2017/HSST**
Ngày: 06/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Ông Nguyễn Anh Đức**

2. Ông Trương Văn Minh

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Tô Thu Thủy - KSV

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 115/2017/HSST ngày 25/7/2017 đối với bị cáo:

LƯƠNG VĂN T, sinh năm 1998.

HKTT và chỗ ở: Xóm D 2, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Tày ; con ông Lương Văn Q và bà Đinh Thị K.

Tiền án, Tiền sự: không.

Danh bản số 0180 lập ngày 17/5/2017 tại Công an huyện Thanh Trì.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Anh Lê Văn H, sinh năm 1981

HKTT : xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở : thôn H, xã T, huyện T, Hà Nội (vắng mặt).

2. Anh Đoàn Thế H, sinh năm 1982

HKTT : xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở : thôn H, xã T, huyện T, Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1970

HKTT và chỗ ở: Số 60 phố V, quận T, Hà Nội (vắng mặt).

2. Anh Đặng Đức D, sinh năm 1962

HKTT: Xóm 32, xã X, huyện Xuân T, Nam Định

Chỗ ở: 181 phố N, phường T, quận T, Hà Nội (vắng mặt).

3. Anh Đinh Văn N, sinh năm 1984

HKTT và chỗ ở: Xóm D2, xã T, huyện M, Hòa Bình (có mặt).

4. Anh Bùi Văn M, sinh năm 1999

HKTT và chỗ ở: Xóm D2, xã T, huyện M, Hòa Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h30 phút ngày 21/11/2016, Lường Văn T đi xe đạp đến khu nhà trọ của ông Tường Văn H (sinh năm 1955) ở thôn H, xã T, huyện T, Hà Nội nơi anh Lê Văn H, sinh năm 1981 và anh Đoàn Thế H, sinh năm 1982 (cùng HKTT: xã Q, huyện Q, Thanh Hóa) thuê trọ. Đến nơi, thấy cả hai anh H đều đi vắng, xung quanh không có người, cửa phòng trọ của hai anh khóa, T đã dùng tay giật khóa cửa phòng trọ đi vào lấy trộm của anh Đoàn Thế H số tiền 640.000 đồng để trong ví da, ví để trên giường ở phòng ngoài. Tiếp đó, T lấy chiếc kìm có sẵn ở trong phòng, cắt dây thép buộc cánh cửa ngăn giữa phòng trong và phòng ngoài. Khi vào phòng trong (phòng của anh Lê Văn H) thấy chiếc tủ nhựa đóng, T lấy chiếc bấm móng tay để trên nóc tủ cạy ngăn tủ trên cùng, trộm cắp được 01 điện thoại di động OPPO, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu HTC của anh Lê Văn H. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, T đã đến số nhà 69 phố V - Hà Nội gặp và rủ Đinh Văn Th (sinh năm 1997, HKTT: Xóm D2, xã T, huyện M, Hòa Bình) mang chiếc điện thoại di động OPPO đến cửa hàng sửa chữa điện thoại số 60 phố V, quận T - Hà Nội bán cho anh Bùi Văn T được 700.000 đồng rồi quay về nhà số 69 phố V cho anh Bùi Văn Mừng (sinh năm 1999, HKTT: Xóm D2, xã T, huyện M, Hòa Bình) chiếc điện thoại di động HTC. Còn chiếc điện thoại di động Samsung, T đưa cho anh Đinh Văn N (sinh năm 1984, Xóm D2, xã T, huyện M, Hòa Bình) để vay anh N 200.000 đồng và trước đó T đã đặt cho anh N chiếc điện thoại hiệu MOBEL của T để vay của anh N 200.000 đồng.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận ngày 20/11/2016 T đã trộm cắp 01 máy mài bê tông, 01 máy khoan bê tông, 01 cuộn dây điện có tổng trị giá là 1.900.000 đồng của anh Lê Văn H tại công trường xây dựng Bệnh viện 108, phường B, quận H, Hà Nội. Sau đó, T mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Đặng Đức D (sinh năm 1962, TQ: xã X, huyện X, Nam Định) ở đường N, quận T, Hà Nội bán cho anh D được 80.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 273/KLĐG ngày 30/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Trì kết luận tổng giá trị tài sản mà Lương Văn T trộm cắp của anh Lê Văn H là 8.100.000 đồng.

Tổng cộng T chiếm đoạt của anh Lê Văn H và Đoàn Văn H là 8.740.000 đồng.

Ngày 04/01/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lương Văn T nhưng T bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 03/5/2017, Cơ quan điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã ra Quyết định truy nã đối với T, đến ngày 16/5/2017, Công an huyện Thanh Trì đã bắt T theo lệnh truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 99/CT - VKS ngày 21/07/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì đã truy tố Lương Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lương Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, khi được nói lời sau cùng bị cáo đã xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 08 đến 12 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Buộc bị cáo phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có tổng cộng là 1.420.000 đồng gồm : Số tiền 640.000 đồng chiếm đoạt của anh Lê Văn H. Tiền bán chiếc điện thoại di động hiệu OPPO cho anh Bùi Văn T được 700.000 đồng và bán máy cắt bê tông, máy khoan bê tông và 01 cuộn dây điện cho anh Đặng Đức D được 80.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động hiệu MOBEL do anh N giao nộp cho cơ quan công an nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Anh Đinh Văn N xác nhận bị cáo đã trả nợ cho anh số tiền bị cáo vay của anh là 400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng những tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp lệ như các Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Kết luận định giá tài sản có đủ cơ sở xác định: Ngày 20/11/2016, Lường Văn T bằng thủ đoạn lén lút đã chiếm đoạt 01 máy mài bê tông, 01 máy khoan bê tông, 01 cuộn dây điện của anh Lê Văn H tại công trường xây dựng Bệnh viện 108, phường B, quận H, Hà Nội. Ngày 21/11/2016, T tiếp tục lén lút chiếm đoạt của anh Lê Văn H 01 điện thoại di động OPPO, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu HTC, chiếm đoạt của anh Đoàn Thế H số tiền 640.000 đồng do hai anh để ở phòng trọ tại xã H, thôn T, huyện T, Hà Nội. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.740.000 đồng.

Hành vi của Lường Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Để đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự. Xét thấy, sau khi được cơ quan công an cho về địa phương phục vụ hoạt động điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong việc điều tra, làm rõ vụ án, dẫn đến kéo dài việc giải quyết vụ án. Bản thân bị cáo đi lang thang không có nơi cư trú ổn định, không có nghề nghiệp ổn định, liên tục phạm tội

trong thời gian ngắn nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như: *Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung : Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999 thì : « *Người phạm tội còn bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm* ». Xét bị cáo không có công việc làm, không có thu nhập và tài sản nên để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với số tiền T bán tài sản trộm cắp được là 780.000 đồng và tiền T trộm cắp của anh Đoàn Thế H 640.000 đồng T đã ăn tiêu hết nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc Thi phải truy nộp sung công quỹ nhà nước.

Về dân sự: Ngày 08/12/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả cho anh Lê Văn H 01 điện thoại di động hiệu OPPO, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu HTC, 01 máy cắt bê tông, 01 máy đục bê tông, 01 cuộn dây điện, 01 chiếc kim, 01 bấm móng tay. Anh Lê Văn H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự; Anh Đoàn Thế H không yêu cầu T phải bồi thường số tiền 640.000 đồng mà T đã trộm cắp của anh; Anh Đinh Văn N xác nhận T đã trả cho anh số tiền 400.000 đồng mà T vay của anh; Anh Đặng Đức D và anh Bùi Văn T không yêu cầu T phải trả lại các anh số tiền các anh đã bỏ ra mua tài sản của T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại MOBEL do anh Đinh Văn N giao nộp cho cơ quan Công an là tài sản của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho T nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với các anh Đinh Văn T, Bùi Văn M, Đinh Văn N, Bùi Văn T và Đặng Đức D không biết những tài sản các anh mua hoặc nhận của T là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt: Lường Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt truy nã 16/5/2017.

3. Về xử lý vật chứng :

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự :

Buộc bị cáo Lường Văn T phải truy nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 1.420.000 đồng do phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại MOBEL màu vàng cam đã qua sử dụng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2017 nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với các khoản tiền bị cáo phải thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại là anh Lê Văn H và anh Đoàn Thế H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là anh Bùi Văn T, Đặng Đức D và Bùi Văn M có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương